TÒA ÁN NHÂN DÂN NAM
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/DS-ST
Ngày: 08/10/2019.
V/v: Tranh chấp hợp đồng hụi, họ và hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Đào.
2. Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 về: "Tranh chấp hợp đồng hụi, họ và hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2019/QĐDS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Xuân H - sinh năm 1965, có mặt.
Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị U - sinh năm 1972, vắng mặt.
Ông Nguyễn Văn Ph – sinh năm 1973, vắng mặt.
Địa chỉ: ấp Th, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2019, bản tự khai và lời trình bày của bà Trần Thị Xuân H như sau:

Vào ngày 10 tháng 11 năm 2016 bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn Ph, có vay của bà 10.000.000 đồng, với lãi suất là 6%/tháng, thời hạn vay là 10 ngày sẽ trả hết số tiền nợ và lãi cho bà nhưng sau khi vay phía bà U, ông Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Bà yêu cầu vợ chồng ông Ph và bà U phải trả cho bà 10.000.000 đồng vốn gốc và lãi suất theo thỏa thuận 6% tuy nhiên vợ chồng bà U và ông Ph không trả vốn và lãi cho tôi. Nay tôi chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 20/11/2016 đến ngày 20/11/2018 là 24 tháng tính lãi theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bà U và ông Ph còn tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi và nợ bà số tiền như sau:

Số tiền hụi chết hai bên đã chốt sổ nợ là 88.320.000 đồng và có làm biên nhận cho bà U ký nợ ngày 21/7/2016 âm lịch.

Tiền hụi chết dây hụi mùa 5.000.000 đồng, áp ngày 15/9/2012, dây hụi có 15 chân, bà U vô 01 chân đã hốt xong còn nợ lại hụi chết là 10.600.000 đồng.

Tiền hụi chết dây hụi tháng 1.000.000 đồng, áp ngày 25/10/2014, dây hụi có 50 chân, bà U vô 01 chân đã hốt xong và nợ lại 23 lần hụi chết bằng 23.000.000 đồng.

Tiền hụi chết dây hụi tháng 1.000.000 đồng, áp ngày 10/02/2015, dây hụi có 32 chân, bà U vô 01 chân đã hốt xong và nợ lại 09 lần hụi chết bằng 9.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền vay và tiền hụi bà U và ông Ph nợ bà là 140.920.000 đồng.

Do bà U và ông Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà nên bà có làm đơn yêu cầu ban lãnh đạo ấp Th, xã V, huyện G giải quyết. Ngày 05/3/2017, Ban lãnh đạo ấp Th, xã V hoà giải, tại phiên hoà giải bà U thừa nhận có nợ bà tổng số tiền 140.920.000 đồng và hứa hàng tháng sẽ trả cho bà 3.600.000 đồng. Sau đó ông Ph và bà U có trả cho bà được 6.000.000 đồng vào ngày 25/6/2017 và 25/7/2017, mỗi lần trả 3.000.000 đồng, như vậy ông Ph và bà U còn nợ lại 134.920.000 đồng. Từ đó đến nay phía ông Ph và bà U không chịu trả nợ cho bà dù gia đình ông Ph và bà U có khả năng trả nợ.

Nguyện vọng: Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu ông Ph và bà U phải trả cho bà 124.920.000 đồng tiền nợ hụi và 24.400.000 đồng tiền nợ vay nhưng tại phiên hoà giải bà yêu cầu tính lãi tiền nợ vay theo quy định của pháp luật từ ngày 20/11/2016 đến ngày 20/11/2018 theo quy định của pháp luật là 2.700.000 đồng. Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gò Quao buộc bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn Ph phải trả cho bà tổng số tiền còn nợ là 137.620.000 đồng (gồm 124.920.000 đồng tiền hụi và 10.000.000 đồng tiền vay, lãi suất tính theo quy định của pháp luật từ ngày 20/11/2016 đến ngày 20/11/2018 là 2.700.000 đồng) và trả một lần, bà không đồng ý cho vợ chồng bà U, ông Ph trả dần số nợ trên.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị U trình bày:

Số tiền bà H kiện ông buộc phải trả cho bà H 149.320.000 đồng, gồm: tiền vốn vay 10.000.000 đồng và lãi suất 6% từ ngày 10/11/2016 đến 10/11/2018 bằng 14.000.000 đồng; tiền nợ hụi bằng 124.920.000 đồng, ông bà có ý kiến như sau:

Số tiền nợ vay là 10.000.000 đồng ông bà thống nhất trả cho bà H nhưng ông bà yêu cầu Tòa án tính lãi theo quy định của pháp luật vì lãi mà bà H yêu cầu là 6% là quá cao.

Tại phiên hoà giải bà U đồng ý tính lãi theo quy định của pháp luật là 2.700.000 đồng.

Số tiền hụi ông bà nợ bà H theo biên bản hoà giải của ấp Th, xã V vào ngày 15/3/2017 là 130.920.000 đồng nhưng ông bà đã trả cho bà H 6.000.000 đồng còn lại 124.920.000 đồng ông bà đồng ý trả cho bà H.

Hiện nay do số tiền này quá nhiều ông bà không có khả năng trả hết một lần nên ông bà xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, thời gian trả tính từ ngày 15/7/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Xuân H chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn Ph phải trả cho bà 124.920.000 đồng tiền nợ hụi và 10.000.000 đồng tiền vốn vay, lãi suất là 2.700.000 đồng, tổng cộng bằng 137.620.000 đồng và trả một lần không đồng ý cho bà U và ông Ph trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] ***Về tố tụng***: Tranh chấp giữa bà Trần Thị Xuân H với bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn Ph là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn Ph là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà U, ông Ph vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà U, ông Ph.

[2] ***Về nội dung***: Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thị Xuân H và bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn Ph là tranh chấp hợp đồng hụi, họ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà Trần Thị Xuân H làm chủ hụi và bà Nguyễn Thị U có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ nhiều chân hụi. Quá trình chơi hụi bà U đã hốt hết các chân hụi bà tham gia chơi, theo quy định tại Điều 16 Nghị định 19/21019/NĐ-CP ngày 29/02/2019 thì bà U phải góp hụi theo thỏa thuận nhưng bà U không thực hiện nghĩa vụ góp hụi chết cho bà H theo thỏa thuận, số tiền hụi bà U hiện còn nợ bà H là 124.920.000 đồng. Ngoài ra bà U và ông Ph vay bà H số tiền 10.000.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật mà chỉ yêu cầu vợ chồng ông Ph và bà U trả cho bà 10.000.000 đồng, tổng số tiền bà U, ông Ph nợ bà H là 134.920.000 đồng. Số tiền này được bà U và ông Ph thừa nhận nên theo quy định tại Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự không cần phải chứng minh vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với số tiền vay bà H yêu cầu tính lãi từ ngày 20/11/2016 đến ngày 20/11/2018 thời gian là 24 tháng, xét thấy thời gian bà H yêu cầu tính lãi vẫn còn trong thời hiệu theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 và số tiền vay 10.000.000 đồng tính lãi quá hạn theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước là 13,5%/năm bằng 2.700.000 đồng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Phía bị đơn bà U và ông Ph xin trả dần số tiền nợ 137.620.000 đồng nhưng phía nguyên đơn bà H không đồng ý vì bà H cho rằng hiện gia đình bà U, ông Ph có khả năng trả nợ cho bà nhưng lại cố tình kéo dài, việc bà U chơi hụi và hốt hụi nhưng không thực hiện nghĩa vụ góp hụi theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến dây

hụi, bản thân bà H phải bỏ tiền ra tràng hụi cho các hụi viên khác sau đó không có tiền tràng hụi nên đã bị các hụi viên khác khởi kiện bà, nay bà yêu cầu bà U và ông Ph phải trả hết số nợ trên cho bà để bà trả cho các hụi viên khác vì vậy bà không đồng ý cho bà U và ông Ph trả dần nên yêu cầu của bà U và ông Ph không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí buộc bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn Ph phải nộp 6.881.000 đồng (137.620.000 đồng x 5%).

Bà Trần Thị Xuân H được nhận lại 3.733.000 đồng tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0004146, ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, vì yêu cầu của bà được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 466, 471 và Điều 688 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 26, 35, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Áp dụng Nghị định 19/21019/NĐ-CP ngày 29/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ.

Áp dụng Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Xuân H.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn Ph phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Xuân H 137.620.000 (một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Trần Thị Xuân H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị U và ông Nguyễn Văn Ph không trả đủ số tiền trên cho bà H thì hàng tháng bà U và ông Ph còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền chưa trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Buộc bà Nguyễn Thị U, ông Nguyễn Văn Ph phải nộp 6.881.000 đồng.

Bà Trần Thị Xuân H được nhận lại 3.733.000 đồng tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0004146, ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thị Thùy Trang